

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK1**

Khoa CNTT (năm học 2010 -2011)

(Danh sách kèm theo quyết định số

1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT	ĐR	Mức học bổng	Số tiền
1	Ngô Ân Hòn g	K36.103.001	2.7	82	240,000	1,200,000
2	TrầnDiệThị u	K36.103.008	3.07	82	240,000	1,200,000
3	Ngư Hưn yễn g Tru ng	K36.103.018	2.63	77	240,000	1,200,000
4	TrầnHuyThị ền Hoa n	K36.103.024	2.63	82	240,000	1,200,000
5	Ngư Như yễn Thị Huỳ nh	K36.103.053	3.23	9	300,000	1,500,000
6	Ngư Phư yễn ong Thị Mai	K36.103.059	3.03	82	240,000	1,200,000
7	Tôn Quâ Thấtn Anh	K36.103.061	2.93	92	240,000	1,200,000
8	Ngư Thú yễn y Thị Tha nh	K36.103.074	2.63	85	240,000	1,200,000
9	Phạ Trâ m m Thị Ngọ c	K36.103.076	3.03	82	240,000	1,200,000
10	Pha Trư n ờng Văn	K36.103.083	2.97	90	240,000	1,200,000
11	Huỳ Trúcnh P hạm	K36.103.085	2.53	82	240,000	1,200,000

	Tha			
	nh			
12	Đặng Uyê K36 2.57 82	240,0	1,20	
	g n .103	00	0,00	
	Thị .088	0		
	Tú			
13	Phạ Đan K36 2.7 75	240,0	1,20	
	m C h .104	00	0,00	
	ông .010	0		
14	TrầnHòa K36 2.53 71	240,0	1,20	
	Bìn .104	00	0,00	
	h .028	0		
15	Ngư Tha K36 3.27 82	300,0	1,50	
	yễn nh .104	00	0,00	
	Pha .076	0		
	n Ph			
	ươn			
	g			
16	Lê Thô K36 2.57 77	240,0	1,20	
	Văn ng .104	00	0,00	
	Ngọ .083	0		
	c			
17	Ngô ThịnK36 2.67 74	240,0	1,20	
	Thị h .104	00	0,00	
	Kim .084	0		
18	Phạ Hải K35 7.1 94	240,0	1,20	
	m .104	00	0,00	
	Lê .017	0		
	Khá			
	nh			
19	Ngư Huy K35 7.1 74	240,0	1,20	
	yễn nh .104	00	0,00	
	Lâm .026	0		
20	Đỗ Loa K35 7.07 91	240,0	1,20	
	Thị n .104	00	0,00	
	Mai .036	0		
21	Ngư Ngâ K35 7.83 93	240,0	1,20	
	yễn n .104	00	0,00	
	Thị .042	0		
	Thả			
	o			
22	Giề Phư K35 7.33 93	240,0	1,20	
	ng ơng .104	00	0,00	
	Qui .053	0		
23	Ngư Thi K35 8.13 86	300,0	1,50	
	yễn .104	00	0,00	
	Ngọ .062	0		
	c Mi			
	nh			
24	Ngư Anh K34 7.48 88	240,0	1,20	

	yễn	.104	00	0,00
	Tuấ	.005	0	
	n			
25	Lê Diệ K34 7.93 82		240,0	1,20
	Thị u	.104	00	0,00
	Bích	.014	0	
26	Ngu Kha K34 7.83 90		240,0	1,20
	yễn nh	.104	00	0,00
	Phi	.042	0	
27	Huỳ Khả K34 8.21 91		300,0	1,50
	nh	.104	00	0,00
	Tú	.045	0	
28	Hồ LinhK34 7.86 81		240,0	1,20
	Ngu	.104	00	0,00
	yễn	.047	0	
	Huy			
	ền			
29	TrầnNgu K34 7.69 80		240,0	1,20
	Thị yệt	.104	00	0,00
		.055	0	
30	Ngu Phư K34 8.17 90		300,0	1,50
	yễn ợng	.104	00	0,00
	Thị	.062	0	
	Hoa			
31	Ngu Tân K34 7.45 80		240,0	1,20
	yễn	.104	00	0,00
	Anh	.072	0	
	Duy			
32	Cao TháiK34 7.48 80		240,0	1,20
	Vĩn	.104	00	0,00
	h	.080	0	
33	Lê Toà K34 7.52 90		240,0	1,20
	Anh n	.104	00	0,00
		.090	0	
34	Đoà TranK34 7.59 82		240,0	1,20
	n g	.104	00	0,00
	Thị	.093	0	
	Min			
	h			
35	Võ Tuy K34 7.55 84		240,0	1,20
	Thị ền	.104	00	0,00
	Tha	.102	0	
	nh			
36	Đặ Uy K34 7.45 80		240,0	1,20
	g Th	.104	00	0,00
	iên	.106	0	
37	Lê Anh K33 8.2 90		300,0	1,50
	Đìn	.104	00	0,00
	h N	.003	0	
	hật			

38	Ngu Diễ	K33 8.12 90	300,0	1,50
	yễn m	.104	00	0,00
	Thù	.010		0
	y Ki			
	êu			
39	Phù Già	K33 8.16 90	300,0	1,50
	ng u	.104	00	0,00
	Ngọ	.014		0
	c			
40	Đin Huy	K33 8.44 90	300,0	1,50
	h Thên	.104	00	0,00
	anh	.027		0
41	Mã Hưn	K33 8.4 90	300,0	1,50
	Khá g	.104	00	0,00
	nh	.029		0
42	Lê Ngh	K33 8.08 90	300,0	1,50
	Hữu ĩa	.104	00	0,00
		.054		0
43	Ngu Qua	K33 8.36 90	300,0	1,50
	yễn ng	.104	00	0,00
	Min	.066		0
	h			
44	TrầnToại	K33 8.24 90	300,0	1,50
	Văn	.104	00	0,00
		.088		0
45	Pha Triề	K33 8.28 90	300,0	1,50
	n Q u	.104	00	0,00
	uốc	.090		0
46	Bùi Trí	K33 8.12 90	300,0	1,50
	Min	.104	00	0,00
	h	.093		0
47	Lê Tuấ	K33 8.08 90	300,0	1,50
	Trầnn	.104	00	0,00
	Anh	.096		0
48	Trư Dun	K35 8.26 90	300,0	1,50
	ơng g	.103	00	0,00
	Thị	.008		0
	Thù			
	y			
49	Pha Ly	K35 7.9 78	240,0	1,20
	n	.103	00	0,00
	Thị	.032		0
50	Lê Nga	K35 7.71 77	240,0	1,20
	Thị	.103	00	0,00
	Kim	.037		0
51	Phạ Ngọ	K35 7.77 84	240,0	1,20
	m c	.103	00	0,00
	Thị	.043		0
	Bích			
52	TrầnNhi	K35 7.65 83	240,0	1,20

	Thị	.103	00	0,00
	Thả	.049	0	
	o			
53	Ngu Nhu K35 8	90	300,0	1,50
	yễn ng	.103	00	0,00
	Thị	.051	0	
	Hồn			
	g			
54	TrầnNhu K35 7.65	90	240,0	1,20
	Thị ng	.103	00	0,00
	Hồn	.052	0	
	g			
55	Lê Phư K35 7.58	82	240,0	1,20
	Ngu ơng	.103	00	0,00
	yễn	.057	0	
56	Huỳ Phư K35 7.94	80	240,0	1,20
	nh ơng	.103	00	0,00
	Thị	.059	0	
	Yễn			
57	Đin Quy K35 7.81	78	240,0	1,20
	h ên	.103	00	0,00
	Văn	.061	0	
58	Ngu Thả K35 7.65	82	240,0	1,20
	yễn o	.103	00	0,00
	Thị	.068	0	
59	Đặn Vy K35 7.55	80	240,0	1,20
	g	.103	00	0,00
	Thị	.078	0	
	Tườ			
	ng			
60	Hà Anh K34 8.29	82	300,0	1,50
	Thị	.103	00	0,00
	Vân	.001	0	
61	Lưu Hảo K34 7.67	88	240,0	1,20
	Thị	.103	00	0,00
		.014	0	
62	Ngu Huy K34 7.88	83	240,0	1,20
	yễn ên	.103	00	0,00
	Thị	.020	0	
	Thả			
	o			
63	Hoà Khu K34 7.63	83	240,0	1,20
	ng ê	.103	00	0,00
		.022	0	
64	Hoà Lượ K34 8.25	78	240,0	1,20
	ng ng	.103	00	0,00
	Văn	.027	0	
65	Huỳ Nga K34 8.04	83	300,0	1,50
	nh	.103	00	0,00
	Thị	.028	0	

	Thu						
66	Võ Ngâ K34 8.29 82	300,0	1,50				
	Hoà n .103	00	0,00				
	i .030	0					
67	Hồ Trâ K34 7.79 73	240,0	1,20				
	Thị m .103	00	0,00				
	.058	0					
68	Ngu Hậu K33 8.44 100	300,0	1,50				
	yễn .103	00	0,00				
	Thị .009	0					
	Ngọ						
	c						
69	Kiề My K33 9.19 100	360,0	1,80				
	u .103	00	0,00				
	.030	0					
70	Lưu Phư K33 9.25 87	300,0	1,50				
	Thế ơng .103	00	0,00				
	.036	0					
71	Hứa Quâ K33 8.59 97	300,0	1,50				
	Chơ n .103	00	0,00				
	n .039	0					
72	TrầnTâmK33 9.16 100	360,0	1,80				
	Đức .103	00	0,00				
	.044	0					
73	Ngô Thâ K33 8.78 100	300,0	1,50				
	Thị o .103	00	0,00				
	Phư .051	0					
	ơng						
74	Võ Tuy K33 8.97 100	300,0	1,50				
	Thị ết .103	00	0,00				
	Hòn .067	0					
	g						
75	Ngu Văn K33 9.31 87	300,0	1,50				
	yễn .103	00	0,00				
	Khắ .068	0					
	c						